

TRẦN-QUANG-KHAI

Giáo-viên Tiểu-học

# TẬP LÀM VĂN

LỚP BA

SỐNG MỖI XUẤT - BẢN

### CÙNG SOẠN GIẢ

<b>Tập Làm Văn</b>	Lớp Nhất
<b>Tập Làm Văn</b>	Lớp Nhì
<b>Tập Làm Văn</b>	Lớp Ba
<b>Tập Làm Văn</b>	Lớp Tư
<b>Toán Pháp</b>	Lớp Nhất
<b>Toán Pháp</b>	Lớp Nhì
<b>Toán Pháp</b>	Lớp Ba
<b>Toán Pháp</b>	Lớp Tư
<b>Toán Pháp</b>	Lớp Năm
<b>660 Bài Tính Mẫu</b>	Lớp Nhất
<b>660 Bài Tính Mẫu</b>	Lớp Nhì
<b>660 Bài Tính Mẫu</b>	Lớp Ba
<b>660 Bài Tính Mẫu</b>	Lớp Tư, Năm

In tại nhà in riêng của nhà xuất bản  
Giấy phép số 727 / XB ngày 9-4-64

Giá : 25đ.

TRẦN QUANG-KHAI

*Giáo-Viên Tiểu-Học*

# TẬP LÀM VĂN

(66 BÀI LUẬN MẪU)

LỚP BA

\*\*\*

S-1-69  
Hieuu

Nhà xuất-bản SỐNG MỚI

30<sup>b</sup>, đường Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

## LỜI NÓI ĐẦU

Ở lớp Ba, phần nhiều các em kém về Việt-văn. Nếu để tự ý các em làm lấy một bài luận, các em sẽ lúng túng không biết nói gì. Các em không biết tìm ý. Hoặc có ý mà nghèo-nàn quá. Hoặc nhiều ý mà lúng-cúng, không ăn khớp với nhau. Bởi vậy, các em phải chịu khó viết tất cả mọi ý vào tờ giấy ráp. Miễn là những ý ấy có liên-quan đến đầu bài là được. Tìm nhiều ý rồi các em sẽ xếp lại cho có thứ-tự, nghĩa là làm dàn-bài đầy-đủ. Trong khi làm dàn-bài, các em sẽ phân ra ý chính và ý phụ, rồi bỏ bớt các ý phụ đi. Các em phỏng đoán một bài luận vào khoảng hai mươi dòng là vừa đủ. Trái lại, bài ngắn quá cũng không được. Đôi khi các em làm bài luận vắn - vẹn độ sáu bảy dòng. Ý - tứ quá nghèo-nàn như vậy sao đáng gọi là một bài luận. Cho nên ngay từ lớp Ba, các em nên tập quen làm một bài văn cho cẩn-thận. Muốn như vậy, các em nên nhớ đến ba điều: Một là nên tập làm văn luôn luôn, ngoài giờ ở lớp học, nên làm thêm ở nhà. Hai là nên đọc bài mẫu cho kỹ, để bắt chước cách lập ý và đặt câu. Ba là nên chú ý vào bài tập đọc, nên tìm hiểu thể văn trong bài tập đọc, tìm hiểu chữ gì dùng khéo, câu nào gọn, ý nào hay.

Về lời văn cũng không kém phần quan-trọng. Các em không biết đặt câu, nghĩa là thường mắc phải những lỗi sau đây:

- 1) Đặt câu dài quá, không biết đến đâu là một câu;
- 2) Hay dùng những tiếng « thì, mà, và » làm câu dài quá, lúng-cúng, có khi gần như không thành câu;
- 3) Không biết chấm-câu. Đôi khi các em viết một câu dài đến năm sáu dòng mà không dấu phẩy, dấu chấm. Có khi đánh dấu chấm, phẩy không đúng chỗ: đáng phẩy lại chấm, đáng chấm lại phẩy. Không biết chấm-câu tức là không biết đặt câu.
- 4) Không viết đúng chính-tả: Hoặc s viết ra x, hoặc d viết ra gi, ra r, hoặc viết sai dấu giọng (dấu hỏi ra dấu ngã).

Nói tóm lại, khi viết xong bản ráp, các em nên đọc đi đọc lại, sửa chữa cẩn-thận rồi hãy chép vào vở luận.

## BÀI 1 Tập dùng tiếng « thì »

### BÀI LÀM

- 1.— Có khỏe mạnh thì học-hành mới tấn-tới.
- 2.— Người có học thì làm việc gì cũng dễ-dàng.
- 3.— Làm bài chỉ chép của người bên cạnh thì không ích gì.
- 4.— Lúc thầy giảng bài mà không chú-ý nghe thì còn hiểu gì.
- 5.— Có nhiều sách mà không đọc thì có hơn gì người không có sách.
- 6.— Người thông-minh mà không học thì vẫn dốt suốt đời.
- 7.— Nhà nghèo mà có chí học-hành thì ai cũng quý-mến.
- 8.— Có học mà không có hạnh thì cũng chẳng ai ưa.
- 9.— Nói mà không làm thì nói làm gì?
- 10.— Nói thì dễ, làm thì khó.



## BÀI 2 Tập dùng tiếng « mà »

### BÀI LÀM

- 1.— Ông tôi đã già mà còn ham đọc sách.
- 2.— Em tôi mới lên sáu tuổi mà đọc báo được rồi.
- 3.— Cha tôi đi làm việc cả ngày mà đêm nào cũng xem sách khuya lắm.
- 4.— Em bé tôi đang hơn mà bà tôi dỗ nó là nó nín bặt.
- 5.— Thắng Tý đi chơi đầu mà giờ này nó chưa về?

## CHƯƠNG - TRÌNH TẬP LÀM VĂN LỚP BA

- 1.— Tập dùng các tiếng : thì, mà, là, bởi, bị, được.
- 2.— Trả lời theo câu hỏi và đặt thành câu về một đề-mục.
- 3.— Tả những vật, những cảnh (dễ tả) đã trông thấy.
- 4.— Kể chuyện, thuật lại, (những chuyện dễ kể, dễ thuật).
- 5.— Tập viết thư (những thư dễ viết).

- 6.— Sắp thi-cử mà anh Tam không chịu học thì đồ-đạt cái gì ?
- 7.— Bé mà không học thì mai sau làm gì ?
- 8.— Lâm anh mà không chăm học thì bảo sao được em.
- 9.— Anh Trường đã đỗ cử-nhân luật mà vẫn học đêm học ngày.
- 10.— Có tiền của mà chả biết làm nghề gì rồi cũng có ngày ăn hết.



**BÀI 3**

**Tập dùng tiếng « là »**

BÀI LÀM

- 1.— Học-trò biết vâng lời thầy là học-trò tốt.
- 2.— Nhà trường là lò đúc nhân-tài.
- 3.— Em là học-trò lớp Ba, trường tiểu-học Ngã-sáu.
- 4.— Sách, vở, giấy, bút là dụng-cụ của học-sinh.
- 5.— Thời giờ là vàng bạc.
- 6.— Anh Khiêm là học-trò cần-mẫn ; anh không nghỉ học một ngày nào.
- 7.— Anh Tôn học giỏi lắm : thi một bạn là đậu liền.
- 8.— Ông tôi là người hiền-hòa cho nên ai cũng trọng cụ.
- 9.— Có chơi với nhau lâu ngày mới biết bạn là người tử-tế.
- 10.— Anh Tam là người có tài mà không có hạnh.



**BÀI 4**

**Tập dùng tiếng « vì »**

BÀI LÀM

- 1.— Vì nhà nghèo anh Nam phải đi bán bánh mì để kiếm tiền mua sách vở.

- 2.— Anh Bắc phải nghỉ học vì cha mẹ anh già yếu, không kiếm ra tiền.
- 3.— Thầy giáo quý anh Đông lắm vì anh ấy chăm học và ngoan-ngoãn.
- 4.— Anh Tây bị quở phạt luôn vì anh hay nô-dùa ở trong lớp.
- 5.— Bà tôi ngoài sáu chục tuổi mà người vẫn hồng-hào, vì cụ không ăn quà vật bao giờ.
- 6.— Em tôi bị cảm vì chiều hôm qua nó nghịch nước mưa.
- 7.— Suốt đêm mẹ tôi không ngủ được, vì thằng em tôi nóng dữ quá.
- 8.— Vì bận nhiều việc nhà nên mẹ tôi chả đi chơi đâu.
- 9.— Chỉ vì thương con mà cha mẹ phải khuyên dạy đủ điều.
- 10.— Cha mẹ tôi làm ăn vất-vả suốt ngày vì gia-đình đông con.



**BÀI 5**

**Tập dùng tiếng « bởi »**

BÀI LÀM

- 1.— Em Sừ hay ăn quà vặt, bởi vậy nó hay đau bụng.
- 2.— Bởi em tôi còn nhỏ quá nên mẹ tôi phải chăm-nom nó.
- 3.— Cha tôi già trước tuổi, bởi người phải lo nghĩ nhiều về việc gia-đình.
- 4.— Cha mẹ tôi chả đi đâu xa, bởi đi xa là tốn nhiều tiền.
- 5.— Bởi gia-đình tôi nghèo nên tôi không dám đua ăn đua mặc.
- 6.— Anh Giáp không được lên lớp bởi anh ấy lơ-dềnh và lười-biếng.
- 7.— Bởi sự đoàn-kết của toàn-dân mà đức Trần-Hưng-Đạo dẹp tan quân Nguyễn.

- 8.— Người Việt-Nam ta sùng-bái hai bà Trưng, bởi các ngài đã hiến thân cho Tổ-quốc.
- 9.— Tôi thích học Việt-sử bởi sự giảng-giải khéo-léo của thầy giáo tôi.
- 10.— Tôi yêu nước bởi vì nước có mạnh thì nhà mới yên.



### BÀI 6 Tập dùng tiếng « bị »

BÀI LÀM

- 1.— Anh Nhất bị thầy giáo quở mắng mà anh không tỏ vẻ hờn giận.
- 2.— Anh Nhị bị bạn chế-riêu vì anh có tính khoe-khoang.
- 3.— Giờ chơi, anh Tam nô-nghịch thế nào mà cái quần bị rách tướp ra ?
- 4.— Giờ toán anh Ngũ bị số không, vì anh không trả lời vào câu hỏi của thầy giáo.
- 5.— Lúc sang qua đường phải đề ý kéo bị xe cẩu thì nguy.
- 6.— Anh Lục đi học về muộn quá, nên anh bị cha anh quở mắng.
- 7.— Làm biếng học đi thi bị trượt là đáng lắm, còn phàn-nàn gì.
- 8.— Anh Bát bị sốt, nghỉ học mất hai buổi.
- 9.— Anh Cửu trèo cây trứng cá, bị ngã gãy chân.
- 10.— Anh Thập hay nói đùa ; hễ bị ai đùa lại là anh phát khùng.



### BÀI 7

### Tập dùng tiếng « được »

BÀI LÀM

- 1.— Tháng nào anh tôi cũng được ghi tên trong bảng danh-dự.
- 2.— Giúp bạn được việc gì lòng tôi lấy làm vui sướng lắm.
- 3.— Kiểm được một người bạn tốt chẳng khác gì thêm một người anh ruột.
- 4.— Lúc bé học thêm được năm nào là qui năm ấy.
- 5.— Nhờ có thầy hết lòng dạy bảo chúng tôi mới mở mắt ra được.
- 6.— Anh Thông học được mà anh ấy không chịu học.
- 7.— Mẹ tôi khéo tay lắm : làm bánh trái gì cũng được.
- 8.— Mẹ tôi bận việc quá, quanh năm không đi được đến đâu.
- 9.— Mỗi khi làm xong việc gì, cha tôi bảo « được rồi », tôi mới yên tâm.
- 10.— Già được bát canh, trẻ được manh áo mới.



Trả lời theo câu hỏi và đặt thành câu về một đề-mục :

**BÀI 8**

**Cái quần, bút**

**CÂU HỎI**

- 1.— Cái quần bút của em bằng gì ?
- 2.— Quần bút dài độ mấy phân ?
- 3.— Quần bút màu gì ? Một màu hay nhiều màu ?
- 4.— Quần bút cũ hay mới ? Nếu cũ thì màu thế nào ?
- 5.— Đầu quần bút có gì ?
- 6.— Ngòi bút bằng gì ?
- 7.— Ngòi bút hình gì ? Màu gì ?
- 8.— Giữa ngòi bút có gì ?
- 9.— Khi viết thì mực xuống thế nào ?
- 10.— Em giữ-gìn quần bút thế nào ?



**BÀI 9**

**Quyền sách tập-đọc**

**CÂU HỎI**

- 1.— Quyền sách tập đọc của em tên là gì ?
- 2.— Ngoài bìa vẽ hình gì ?
- 3.— Trên hình vẽ có gì ? Tác-giá là ai ?
- 4.— Sách có bao nhiêu trang ?
- 5.— Mỗi trang có gì ?
- 6.— Mỗi bài tập đọc kèm theo những gì ? (Giải-nghĩa đề làm gì ? Câu hỏi để làm gì?)
- 7.— Hình vẽ của mỗi bài giúp ích gì ?
- 8.— Mục-lục để làm gì ?
- 9.— Quyền sách tập đọc có ích gì cho em ?
- 10.— Em giữ-gìn quyền sách thế nào ?

**BÀI 10**

**Cái bảng đen**

**CÂU HỎI**

- 1.— Cái bảng đen của lớp em kê ở chỗ nào ?
- 2.— Mặt bảng hình gì ? Dài, rộng độ bao nhiêu phân ?
- 3.— Bảng bằng gỗ gì ? Tại sao dùng gỗ nhẹ ?
- 4.— Mặt bảng ghép bằng mấy mảnh gỗ ?
- 5.— Mặt bảng sơn màu gì ?
- 6.— Bảng cũ hay mới ? Tại sao biết cũ hay mới ?
- 7.— Mặt bảng có xoay được không ?
- 8.— Bảng đóng trên giá hay đóng sát vào tường ?
- 9.— Giá bảng thế nào ? Cao độ bao nhiêu ? Tại sao phải có hai chân to và chắc ?
- 10.— Thầy giáo dùng bảng làm gì ?
- 11.— Nếu không có bảng thì lớp học ra sao ?



**BÀI 11**

**Bàn giấy thầy giáo**

**CÂU HỎI**

- 1.— Bàn giấy thầy giáo kê ở đâu ?
- 2.— Bàn giấy bằng gỗ gì ? Sơn màu hay đánh bóng ?
- 3.— Mặt bàn dài, rộng bao nhiêu phân ? Chân bàn cao độ bao nhiêu phân ?
- 4.— Trên mặt bàn thường để những gì ?
- 5.— Đến giờ học lại dài khăn phủ bàn bằng gì ? Màu gì ?
- 6.— Bàn giấy có mấy ngăn kéo ? Mỗi ngăn đựng gì ?
- 7.— Thầy giáo làm gì trên bàn giấy ?
- 8.— Khi nào các em được gọi lên bàn giấy ?
- 9.— Hằng ngày các em lau bàn giấy bằng gì ?





BÀI 12

Bàn học-trò

CÂU HỎI

- 1.— Lớp em có bao nhiêu bộ bàn ghế? Bàn ghế xếp thế nào?
- 2.— Bàn bằng gỗ gì? Có chắc-chắn không? Cũ hay mới?
- 3.— Bàn dài, rộng cao bao nhiêu phần?
- 4.— Mặt bàn thế nào? Tại sao mặt bàn hơi dồng-dốc?
- 5.— Có mấy lỗ lộ mực?
- 6.— Mép bàn có cái khe để làm gì?
- 7.— Mỗi bàn có mấy ngăn? Ngăn để đựng gì?
- 8.— Bàn có đóng liền vào ghế không?
- 9.— Hằng ngày các em giữ-gìn cái bàn thế nào?
- 10.— Tại sao em mến bàn ghế học của em?



BÀI 13

Bản lịch treo tường

CÂU HỎI

- 1.— Bản lịch treo ở chỗ nào? Về phía nào của bàn giấy?
- 2.— Bản lịch làm bằng gì? Cứng hay mềm? Dày hay mỏng?
- 3.— Bản lịch dài, rộng bao nhiêu phần?
- 4.— Vẽ những hình gì? Tô những màu gì?
- 5.— Giữa bản lịch phía trên có những gì? (Tên hiệu sách hoặc nhà in).
- 6.— Tập giấy lịch dán vào chỗ nào?
- 7.— Tập giấy có độ bao nhiêu tờ? Những mảnh giấy dán thế nào?
- 8.— Trên những mảnh giấy có in những chữ gì?
- 9.— Ngày tháng âm-lịch in chỗ nào?
- 10.— Nhìn lên tấm lịch em có ý nghĩ gì?



BÀI 14

Bảng danh-dự

CÂU HỎI

- 1.— Cái bảng danh-dự treo ở chỗ nào?
- 2.— Bảng làm bằng gì? Dài, rộng bao nhiêu phần?
- 3.— Vẽ hình gì? Tô màu gì?
- 4.— Khung bảng bằng gì? Màu gì?
- 5.— Trên bảng ghi tên những học-sinh nào?
- 6.— Tại sao ghi vào những mảnh bìa nhỏ?
- 7.— Tại sao ghi tên những học-sinh có hạnh-kiểm tốt?
- 8.— Nếu em được ghi tên vào đây thì em nghĩ sao?
- 9.— Nếu tên em không được ghi vào đây thì em nghĩ sao?
- 10.— Mỗi lần em được ghi tên vào bảng danh-dự cha mẹ em nói gì?



BÀI 15

Cái dao con

CÂU HỎI

- 1.— Cái dao con của em mua tự bao giờ? Giá bao nhiêu?
- 2.— Cái dao có mấy phần?
- 3.— Lưỡi bằng gì? Sắc gì?
- 4.— Ngoài lưỡi còn có những gì?
- 5.— Chuôi bằng gì? Sắc gì?
- 6.— Những lưỡi dao mở ra, đóng vào thế nào?
- 7.— Một cái dao nhỏ thế mà dùng được những việc gì?
- 8.— Khi dùng xong giữ thế nào cho dao khỏi rỉ?
- 9.— Tại sao em không nô-dùa bằng dao?



### Cái tủ áo

#### CÁU HỎI

BÀI 16

1. — Cái tủ áo của nhà em kê ở chỗ nào?
2. — Tủ bằng gỗ gì? Màu gì?
3. — Kịch thước bao nhiêu phần?
4. — Mặt trước có mấy cánh? Cánh phẳng hay khum-khum?
5. — Khóa thế nào? Trên khóa có cái núm bằng gì? Để làm gì?
6. — Tủ có mấy cái buồng? Khác nhau thế nào?
7. — Mỗi buồng đựng gì?
8. — Ngăn kéo ở chỗ nào? Đựng gì?
9. — Khi mở tủ phải cẩn-thận thế nào?
10. — Mỗi buổi sáng phải lau tủ thế nào?
11. — Tại sao mẹ em quý cái tủ?

\*

# TẢ CẢNH

BÀI 17

## Quyển sách tập-đọc

### DÀN BÀI

MỞ BÀI : Quyển sách tập-đọc của em mua từ bao giờ ?

THÂN BÀI :

- a) Ngoài bìa : Vẽ hình gì? Màu gì? Tên sách. Tên tác-giả. Tên nhà xuất-bản.
- b) Trong sách : Bao nhiêu trang? Mỗi trang có mấy bài tập-đọc kèm theo giải-nghĩa, câu hỏi, hình vẽ. Mục-lục.
- c) Ích-lợi : Tập-đọc tron. Hiểu biết thêm.
- d) Cách giữ-gìn : Bọc sách, mở sách.

KẾT-LUẬN : Em quý quyển sách tập-đọc như một người bạn thân.

### BÀI LÀM

Cuối niên-học năm ngoái, em được phần thưởng hạng nhì. Phần thưởng toàn là các thứ dụng-cụ học-sinh. Em thích nhất quyển sách tập-đọc.

Đó là quyển tập-đọc quốc-văn lớp Ba. Bìa là giấy bồi cứng, hình chữ nhật, dài độ hai mươi phần, rộng độ mười lăm phần. Trên mặt bìa màu vàng nổi bật lên bốn chữ ữn sách «Tập-đọc» màu xanh nước biển và «Quốc-văn» màu đỏ sẫm. Dưới là bức tranh với nét vẽ đơn-sơ mà đầy ý nghĩa. Một cậu bé vui-vẻ cắp sách đến trường. Cậu chỉ lên một con chim đậu trên cành tre non màu lá xanh nhạt. Con chim non há mỏm ra hót đề chào ảnh bình-minh đỏ rực ở chân trời. Phía trên cùng tờ bìa có ba tên tác-giả. Phía dưới cũng kèm theo năm chữ «Nhom soạn-giả Thư-hương».

Mở sách ra xem. Trong có 110 trang. Mỗi trang có một bài tập-đọc hay học thuộc lòng. Bên cạnh mỗi bài in một bức vẽ màu xanh lơ hay màu hồng. Nhiều khi đọc xong bài, em nhìn vào hình vẽ đến mười phút mà không chán mắt. Nhìn vào đấy mà ngắm-ngẫm nghĩ thấy bài đọc càng thêm hay. Dưới mỗi bài có mấy chữ khó được giải-nghĩa rõ-ràng. Mấy câu hỏi để em tập trả lời. Trang cuối cùng là bản mục-lục ghi đầu bài và số trang.

Nhờ có quyển «Tập-đọc quốc-văn» mà em đọc tron, viết đúng chữ Việt. Nhờ có nó mà em hiểu biết thêm.

Bởi vậy em giữ-gìn quyển sách của em rất cẩn-thận. Ngoài bìa bọc thêm một tờ giấy bóng màu da cam. Em mở sách nhẹ-nhàng cho mép giấy khỏi cong.

Em qui quyển sách tập-đọc của em vì nó giúp ích cho em về đường học-vấn. Nó lại nhắc em nhớ đến cái kỹ-niệm tốt đẹp trong kỳ phát phần thưởng vừa qua.



## Cái hộp bút

**BÀI 18**

DÀN BÀI

**MỞ BÀI :** Em mua cái hộp bút vào dịp nào ? Giá bao nhiêu ?

**THÂN BÀI :**

- a) Hộp bút bằng gì ? Nhẹ hay nặng ? Màu gì ?
- b) Kích thước bao nhiêu phần ?
- c) Hộp có mấy phần ? Nắp thế nào ? Bẩn-lẹ, khó.
- d) Đáy có mấy ngăn ? Mỗi ngăn đựng gì ?
- e) Cách giữ-gìn : Mở, đóng nhẹ-nhàng. Lau hộp.

**KẾT-LUẬN :** Em qui cái hộp bút vì để những đồ-dùng học-sinh vào đấy được gọn-gàng, khỏi mất-mát.

BÀI LÂM

Nhân dịp tết Nguyên-dán âm-lịch, em được ba chục đồng tiền mừng tuổi. Em đến hiệu sách mua ngay cái hộp đựng bút mà em mong-ước từ lâu.

Cái hộp bút bằng nhựa đục, màu xanh lơ, nhẵn thín, mỏng và nhẹ. Hộp dài độ hai mươi phần, rộng năm phần, dày hai phần.

Hộp có hai phần : nắp và đáy. Nắp khum-khum, mặt nắp có hình một lá nho kèm hai cái nhánh. Phía sau có hai cái khay giữ nắp dính vào đáy. Phía trước cũng có một cái khay thay cho cái khóa. Khi đóng hộp, cái khay đóng chặt vào đáy, nghe « tách » một tiếng. Khi mở hộp, tay em sẽ ấn vào đáy, một tay nâng nắp hộp lên.

Đáy hộp có ba ngăn. Ngăn dài nhất đựng quán bút. Ngăn thứ hai đựng bút chì và phấn. Ngăn thứ ba đựng ngòi bút và hòn tẩy.

Từ ngày có cái hộp, bút của em không bị gãy ngòi. Các thứ dụng-cụ được xếp đặt gọn-gàng đỡ mắt-mát. Bởi vậy, em giữ-gìn cái hộp bút cẩn-thận lắm. Em mở đóng cái hộp nhẹ-nhàng cho khỏi hỏng khóa. Hằng ngày em lau hộp cho sạch phần và bụi-bàn.

Em qui cái hộp bút ấy lắm. Vì ngoài những sự ích lợi như trên, nó còn nhắc cho em nhớ đến cái kỹ-niệm tốt đẹp trong dịp tết Nguyên-dán vừa qua. Em cố giữ cái hộp bút ấy dùng được vài ba năm, cho tới khi hết thời-kỳ học ở trường tiểu-học.



## Cái quán bút

DÀN BÀI

**BÀI 19**

**Mở bài :** Quán bút của em cũ hay mới ?

**Thân bài :**

- a) Quán bút bằng gì ?
- b) Quán bút dài độ mấy phần ? Hai đầu thế nào ? Sơn màu gì ?
- c) Nón bằng gì ? Hình gì ? Để làm gì ?
- d) Ngòi bút hình gì ? Sắc gì ? Giữa ngòi có khe nhỏ để làm gì ?